

**TOÀ ÁN ND TP BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2019/ KDTM-ST

Ngày: 18/11/2019

Vụ án: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà **Trần Thị Mai**

Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông **Đặng Văn Đê**

2/ Bà **Lê Thị Quỳnh Nga**

- Thư ký phiên toà: Bà **Vũ Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Anh Dũng** – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 08/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2019, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-XX ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là Ngân hàng V)

Trụ sở: 89 đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 đường C, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty Cổ phần X (Viết tắt là Công ty X)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1981 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện Ngân hàng TMCP V(gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng V) trình bày:

Ngày 11/8/2017, Công ty X có ký Hợp đồng số SME/VTU/17/0102/HĐHM với Ngân hàng Ngân hàng V, Chi nhánh V, tổng số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỉ đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 17,6%/năm tại thời điểm giải ngân, mức lãi suất này cố định trong tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh một tháng 1 lần. Số tiền trên được giải ngân 3 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/8/2017, giải ngân 1.200.000.000 đồng. Tiền gốc đã thanh toán: 829.366,222 đồng; Tiền lãi đã thanh toán 105.615.969 đồng; Lãi phạt chậm trả đã thanh toán: 453.642 đồng.

Lần 2: Ngày 16/8/2011, giải ngân 1.000.000.000 đồng. Tiền gốc đã thanh toán: 500.040.000 đồng; Tiền lãi đã thanh toán: 84.689.191 đồng; Tiền lãi phạt đã thanh toán: 501.531 đồng.

Lần 3: Ngày 23/8/2017, giải ngân 800.000.000 đồng. Tiền gốc đã thanh toán: 429.861.258 đồng; Tiền lãi đã thanh toán: 65.935.823 đồng; Tiền lãi phạt chậm trả đã thanh toán: 382.201 đồng.

Toàn bộ khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Thị Thu T, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/VTU/17/0102/HĐBL ngày 11/9/2011.

Nay Ngân hàng Ngân hàng V yêu cầu:

- Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền 1.954.353.930 đồng; Trong đó nợ gốc là 1.240.732.520 đồng; Nợ lãi và lãi phạt là 713.621.410 đồng (tính đến ngày 18/11/2019)

- Công ty Cổ phần X phải chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V

- Trong trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu của ngân hàng thì bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

[2] Đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Trần Văn P trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của phía Ngân hàng V về ký kết hợp đồng tín dụng, các lần giải ngân, số tiền đã thanh toán, khoản nợ gốc, nợ lãi còn lại là chính xác.

Tuy nhiên, vì công ty hiện nay làm ăn rất khó khăn nên ông yêu cầu ngân hàng cho công ty thanh toán dần, mỗi tháng tối thiểu 50.000.000 đồng.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về việc ký kết các Hợp đồng tín dụng theo lời trình bày của Ngân hàng là chính xác. Về khoản vay, lãi suất, thời hạn vay, số tiền đã thanh toán theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chính xác.

Tuy nhiên khi ký kết hợp đồng bảo lãnh, bà đã không đọc và không hiểu gì về hợp đồng này nhưng bà xác nhận chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh là của bà. Hiện tại bà cũng khó khăn. Tuy nhiên về việc bảo lãnh của bà thì bà sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng khoản tiền 200.000.000 đồng, trong vòng 4 tháng, mỗi tháng 50.000.000 đồng, phần còn lại Công ty X phải có trách nhiệm thanh toán.

Về Khế ước nhận nợ ngày 16/8/2017 thì bên vay vẫn là Công ty X nhưng khi đóng dấu thì có sự nhầm lẫn nên Công ty X vẫn có trách nhiệm thanh toán khoản vay này.

Vào thời điểm Công ty X ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng Ngân hàng V khi đó bà còn làm giám đốc công ty. Hiện nay thì bà không còn làm giám đốc công ty nữa bà đã sang tên Công ty X cho ông Trần Văn P vào ngày 10/7/2019.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS năm 2015;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định BLTTDS;

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 BLTTDS

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS;

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;

[3.2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là Ngân hàng V) và Công ty Cổ phần X (Viết tắt là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng số SME/VTU/17/0102/HĐHM ngày 11/8/2017; Công ty Cổ phần X có trụ sở tại ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nay có tranh chấp về hợp đồng trên nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bà Thủy.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng V, yêu cầu Công ty X phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền 1.954.353.930 đồng; Trong đó nợ gốc là 1.240.732.520 đồng; Nợ lãi và lãi phạt là 713.621.410 đồng (tính đến ngày 18/11/2019) thì thấy:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phía đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (viết tắt là Ngân hàng Ngân hàng V) và đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X (Viết tắt là Công ty X) đều xác nhận việc ký kết hợp đồng, về khoản vay, khoản tiền đã thanh toán và khoản tiền còn nợ là hoàn toàn chính xác nên căn cứ theo quy định tại Điều 92 BLTTDS, đây là những tình tiết mà đương sự không có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên phía đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Ngân hàng V yêu cầu Công ty X phải thanh toán một lần cả gốc và lãi nhưng Công ty X cho rằng hiện nay Công ty đang gặp khó khăn, xin được trả mỗi tháng 50.000.000 đồng nợ gốc nhưng phía bên Ngân hàng không đồng ý nên giữa các bên đã không đi đến thống nhất.

Công ty X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Ngân hàng V yêu cầu Công ty X phải trả ngay các khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng. Tại khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/VTU/17/0102/HĐHM ngày 11/8/2017 thì việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc hoặc lãi theo bất kỳ một kế ước nhận nợ nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay.

Theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng cho vay hạn mức số : SME/VTU/17/0102/HĐHM ngày 11/8/2017 thì đến kỳ trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng và các kế ước nhận nợ mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc mà không được ngân hàng

cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc.

Theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng thì: Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất cho vay đối với các khoản vay của Công ty X là 17,6%/năm, mức lãi suất này được cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng 1 lần. Xét thấy thỏa thuận của các bên về lãi suất quá hạn phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng V .

Đối với các khoản phạt vi phạm được các bên thỏa thuận tại Điều 10 của Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/VTU/17/0102/HDHM ngày 11/8/2017 nên chấp nhận yêu cầu tính lãi phạt của Ngân hàng Ngân hàng V .

Cụ thể như sau:

- Đối với Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -01 ngày 11/8/2017 thì: Khoản tiền vay là 1.200.000.000 đồng; Ngày giải ngân: 11/8/2017; Thời hạn vay là 12 tháng; Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 100.000.000 đồng; Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 11/9/2017. Công ty X đã thanh toán được khoản tiền nợ gốc là 829.366.222 đồng; khoản tiền lãi đã thanh toán là 105.615.969 đồng; Lãi phạt chậm trả đã thanh toán là 453.642 đồng. Do đó, Công ty X còn phải trả các khoản sau: Nợ gốc: 370.633.778 đồng; Nợ lãi: 216.449.950 đồng; Phạt chậm trả lãi: 34.127.603 đồng; Tổng cộng: 621.211.332 đồng

- Đối với Khế ước nhận nợ lần 2/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -02 ngày 16/8/2017 thì: Khoản tiền vay là: 1.000.000.000 đồng; Ngày giải ngân: 16/8/2017; Thời hạn vay là 12 tháng; Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 83.340.000 đồng (riêng kỳ cuối trả 83.260.000 đồng); Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/9/2017. Công ty X đã thanh toán được khoản tiền gốc là 500.040.000 đồng; Khoản tiền lãi đã thanh toán là 84.689.191 đồng; khoản tiền tiền lãi phạt đã thanh toán là 501.531 đồng. Do đó, Công ty X còn phải trả các khoản sau: Nợ gốc là 499.960.000 đồng; Nợ lãi là 238.565.256 đồng; Phạt chậm trả lãi là 25.442.858 đồng; Tổng cộng 763.968.114 đồng

- Đối với Khế ước nhận nợ lần 3/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -03 ngày 23/8/2017 thì: Khoản tiền vay là: 800.000.000 đồng; ngày giải ngân: 23/8/2017; Thời hạn vay : 12 tháng; Số tiền gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là : 66.340.000 đồng (riêng kỳ cuối trả 66.520.000 đồng); Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20/9/2017. Công ty X đã thanh toán được khoản tiền gốc là 429.861.258 đồng; Khoản tiền lãi đã thanh toán là 65.935.823 đồng; khoản tiền tiền lãi phạt chậm trả đã thanh toán là 382.201 đồng. Do đó, Công ty X còn phải trả các khoản sau: Nợ gốc: 370.138.742 đồng; Nợ lãi: 179.291.837 đồng; Phạt chậm trả lãi: 19.743.905 đồng; Tổng cộng 569.174.484 đồng.

Từ những phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng V đối với Công ty X :

- Buộc Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền 1.954.353.930 đồng; Trong đó nợ gốc là 1.240.732.520 đồng; Nợ lãi và lãi phạt là 713.621.410 đồng (tính đến ngày 18/11/2019)

- Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -01 ngày 11/8/2017; Khế ước nhận nợ lần 2/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -02 ngày 16/8/2017; Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -03 ngày 23/8/2017, giữa Ngân hàng Ngân hàng V và Công ty X cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng V yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết trong trường hợp Công ty X không thanh toán theo yêu cầu của ngân hàng, thì thấy:

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh Số: SME/VTU/17/0102/HĐBL-01 ngày 11/9/2017 có thỏa thuận như sau: Bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Việc ký kết hợp đồng bảo lãnh giữa ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thu T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 335 của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 335 của Bộ luật Dân sự thì: “Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ” , do đó chấp nhận yêu cầu của ngân hàng Ngân hàng V, trong trường hợp Công ty X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nói trên thì bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng.

[3] Án phí KDTMST: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Công ty X phải chịu toàn bộ án phí đối với nghĩa vụ trả số tiền 1.954.353.930 đồng, cụ thể: $\{36.000.000 \text{ đồng} + (1.954.353.930 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\%\} = 70.630.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 335; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty X, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

[1.1] Buộc Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền 1.954.353.930 đồng; Trong đó nợ gốc là 1.240.732.520 đồng; Nợ lãi và lãi phạt là 713.621.410 đồng (tính đến ngày 18/11/2019)

[1.2] Tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -01 ngày 11/8/2017; Khế ước nhận nợ lần 2/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -02 ngày 16/8/2017 ; Khế ước nhận nợ lần 3/Số: SME/VTU/17/0102/HDHM -03 ngày 23/8/2017, giữa Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh V và Công ty Cổ phần X cho đến khi trả hết nợ.

[1.3] Trong trường hợp Công ty Cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty X.

[2] Án phí KDTMST:

[2.1] Công ty Cổ phần X phải nộp 70.630.000 đồng (Bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng)

[2.2] Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.319.000 đồng (ba mươi hai triệu, ba trăm mười chín ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số TU/2019/ 0000775 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa.

[3] Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

[4] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR- VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- THA Dân sự TP Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Mai

